

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2019/NQ -HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu gồm chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020



1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Giá	Đơn vị tính
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.055.000	đồng/ha/vụ
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	732.000	đồng/ha/vụ
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	824.000	đồng/ha/vụ

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích trồng rau, màu tính bằng 40% mức giá đối với trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây ăn quả được tính như sau:

a) Cấp nước cho chăn nuôi:

Cấp nước bằng bơm: 1.320 đồng/m³;

Cấp nước kênh cống: 900 đồng/m³.

b) Cấp nước để nuôi trồng thủy sản: 250 đồng/m² mặt thoáng/năm.

c) Cấp nước tưới các cây ăn quả:

Cấp nước bằng bơm: 1.020 đồng/m³;

Cấp nước bằng kênh cống: 840 đồng/m³.

d) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều này.

đ) Trường hợp cấp nước tưới cho cây ăn quả, nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Mức giá tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt diện tích tưới tiêu nước, cấp nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan: Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định pháp luật về giá.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm:

a) Phổ biến, tuyên truyền vận động tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này.

b) Kiểm tra, rà soát diện tích và xác nhận diện tích tưới tiêu tương ứng với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2020 và bãi bỏ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành giá và mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NN&PTNT; Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB -TH (đăng công báo);
- Trưởng phòng KT;
- Lưu: VT, (Trạng55).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung